

Bản án số: 50/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 30/8/2021

V/v : Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DA

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Ý YÊN, TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Dung

Bà Nguyễn Thị Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ý Yên tỉnh Nam Định.

- Đại diện VKSND huyện Ý Yên tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Thu – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ý Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2021/TLST - HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2021 về việc “Ly hôn, trA chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 136/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị T – Sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn 1 xã Yên Quang huyện Ý Yên Nam Định.

Bị đơn: Anh Bùi Tuấn P – Sinh năm 1984

Địa chỉ: Thôn 6 xã Yên Quang huyện Ý Yên Nam Định.

Tại phiên tòa có mặt chị T, Anh P.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 16/7/2021, biên bản hòa giải ngày 19/7/2021 nguyên đơn chị Trịnh Thị T trình bày:

Chị chung sống với Anh Bùi Tuấn P có đăng ký kết hôn tại UBND xã Yên Quang huyện Ý Yên tỉnh Nam Định vào tháng 9 năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến đầu năm 2020 thì p sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do Anh P hay lơ đãng, chơi, không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường cãi chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị đã khuyên bảo nhiều lần nhưng Anh P không từ bỏ được. Chị và Anh P đã ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 02 năm 2020 đến nay. Nay chị xác định không còn tình cảm với Anh P, không thể tiếp tục chung sống cùng Anh P được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn.

Về con chung: Chị và A P có 03 con chung là Bùi Tuấn P1, sinh ngày 23/02/2012; Bùi Phương A, sinh ngày 28/8/2013; Bùi Khánh H, sinh ngày 16/11/2015. Chị xin nuôi cháu Phương A và Khánh H, để A P nuôi cháu Tuấn P1. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 16/7/2021 và biên bản hòa giải ngày 19/7/2021 bị đơn, Anh Bùi Tuấn P trình bày: Về thời gian và điều kiện kết hôn như chị T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì p sinh mâu thuẫn. nguyên nhân do Anh chơi lơ đãng nhưng vợ chồng vẫn chung sống với nhau bình thường. Đến đầu năm 2019 Anh phát hiện ra chị T có quan hệ với người đàn ông khác, không quan tâm đến gia đình, con cái nên vợ chồng có cãi chửi nhau. Sau đó thì chị T bỏ ra ngoài sinh sống và Anh chị sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ đó đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, Anh cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: A chị có 03 con chung là Bùi Tuấn P1, sinh ngày 23/02/2012; Bùi Phương A, sinh ngày 28/8/2013; Bùi Khánh H, sinh ngày 16/11/2015. A xin nuôi cháu Tuấn P1, để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phương A và Khánh H. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con cho ai.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác có liên quan trong hôn nhân: A và chị T không có gì chung, A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 21/7/2021 A Bùi Tuấn P có đơn đề nghị thay đổi thỏa thuận trong biên bản hòa giải về phần con chung: A xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Tuấn P1 và Bùi Khánh H, để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Phương A.

Tại phiên tòa:

Các chị Trịnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình. Anh Bùi Tuấn P xin được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con

Đại diện VKSND huyện Ý Yên p biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà những người tiến hành tố tụng và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 56, 81, 82 luật hôn nhân và gia đình. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trịnh Thị T, xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và Anh Bùi Tuấn P. Về con chung: Giao cháu Bùi Phương A, sinh ngày 28/8/2013 và Bùi Khánh H, sinh ngày 16/11/2015 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Tuấn P1, sinh ngày 23/02/2012 cho Anh Bùi Tuấn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị T, Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét. Về án phí sơ thẩm ly hôn chị Trịnh Thị T phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tra luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Trịnh Thị T khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh Bùi Tuấn P, đề nghị giải quyết về con chung nên xác định quan hệ tra chấp là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Anh Bùi Tuấn P hiện đang cư trú tại Thôn 6 xã Yên Quang huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ý Yên theo quy định tại Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Trịnh Thị T và Anh Bùi Tuấn P được xác lập vào ngày 01/9/2011, đăng ký kết hôn tại UBND xã Quang huyện Ý Yên tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, Anh chị chung sống đến đầu năm 2020 thì p sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do trong cuộc sống Anh chị không có sự quan tâm, tin tưởng lẫn nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt. Anh chị đã ly thân và chấm dứt mọi quan hệ vợ chồng từ tháng 02 năm 2020 đến

nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn, A P cũng nhất trí ly hôn. Xét mâu thuẫn của A chị đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trịnh Thị T, xử cho A chị ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 56 luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Anh chị có 03 con chung là Bùi Tuấn P1, sinh ngày 23/02/2012; Bùi Phương A, sinh ngày 28/8/2013; Bùi Khánh H, sinh ngày 16/11/2015. Cháu P1 có đơn xin ở với bố, cháu Phương A có đơn xin được ở với mẹ. Cả 02 Anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khánh H. Xét yêu cầu về việc nuôi dưỡng con chung của Anh chị, Hội đồng xét xử thấy rằng: Anh chị có 02 cháu Phương A và Khánh H là con gái; cháu Phương A có đơn xin được ở với mẹ, cháu Khánh H hiện còn nhỏ nên cần phải có sự chăm sóc, quan tâm của mẹ nhiều hơn. Để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con các con chung, Hội đồng xét xử xét thấy nên giao cháu Bùi Phương A và Bùi Khánh H cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Tuấn P1 cho Anh Bùi Tuấn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong quan hệ hôn nhân: Chị T, A P xác định không có, không đề nghị Tòa án quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Trịnh Thị T phải chịu án phí ly hôn theo quy định của Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Điều 271, 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Các Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Trịnh Thị T và Anh Bùi Tuấn P.

2. Về con chung: Giao cháu Bùi Phương A, sinh ngày 28/8/2013 và Bùi Khánh H, sinh ngày 16/11/2015 cho chị Trịnh Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Bùi Tuấn P1, sinh ngày 23/02/2012 cho Anh Bùi Tuấn P trực tiếp nuôi dưỡng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu Anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung và các vấn đề khác trong hôn nhân: Chị T, Anh P không đề nghị Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm ly hôn: Chị Trịnh Thị T phải nộp 300.000 đồng. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0001800 ngày 07/7/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ý Yên . Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T, Anh P được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Các đương sự;
- UBND xã Yên Quang;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thị Minh Tâm

